

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế chi tiêu cho công tác thẩm tra và
phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế chi tiêu cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành do Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt quyết toán.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1182/QĐ-BGTVT ngày 19/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Chánh Văn phòng Bộ, Giám đốc các Ban Quản lý dự án, đại diện các Chủ đầu tư và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Tài chính;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Công thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, KHTC (XTr).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Danh Huy

QUY CHẾ

CHI TIÊU CHO CÔNG TÁC THẨM TRA VÀ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH DO BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày / /2025 của Bộ trưởng
Bộ Xây dựng)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy chế này quy định việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí phục vụ công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công do Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt quyết toán.

b) Nguồn kinh phí sử dụng: nguồn thu từ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành được Chủ đầu tư thanh toán cho Bộ Xây dựng theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này áp dụng cho Vụ Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Bộ, các Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án và các đơn vị, cá nhân tham gia công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

Điều 2. Quản lý, sử dụng nguồn thu từ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán

1. Vụ Kế hoạch - Tài chính là đơn vị chủ trì thẩm tra quyết toán; căn cứ quy định của pháp luật và hồ sơ trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư gửi tới để xác định cụ thể chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán; trên cơ sở đó gửi văn bản đề nghị chủ đầu tư thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vào tài khoản quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Văn phòng Bộ Xây dựng sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và bộ máy kế toán hiện có để tiếp nhận và quản lý nguồn thu từ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo quy định của pháp luật; phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính tổ chức thực hiện chi tiêu theo nội dung chi và mức chi quy định tại Điều 3 quy chế này.

3. Nguồn thu từ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán không phải thực hiện trích nguồn cải cách tiền lương; không hạch toán chung và không quyết toán chung với nguồn kinh phí quản lý hành chính hàng năm của đơn vị. Chi

phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán nếu chưa sử dụng hết trong năm, được phép chuyển sang năm sau để thực hiện.

Điều 3. Nội dung chi và mức chi

1. Chi trực tiếp cho công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán:

a) Mức chi cho các thành viên Tổ công tác thẩm tra (theo quyết định thành lập của Bộ) và người phê duyệt quyết toán được xác định theo công thức sau:

$Ctt = H * Lcs * Ttt * Mht$, trong đó:

Ctt: Mức chi trực tiếp cho từng cá nhân;

H: hệ số lương bình quân của khối cơ quan Bộ tại tháng 12 của năm trước liền kề¹.

Lcs: mức lương cơ sở do Chính phủ quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang²;

Ttt: thời gian thẩm tra và phê duyệt quyết toán tính theo tháng, áp dụng mức tối đa quy định tại Điều 47 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Mht: mức hỗ trợ quy định cụ thể trong bảng dưới đây.

Đối tượng hưởng	Người phê duyệt, Tổ trưởng và Tổ viên thường trực	Các tổ viên khác của Tổ công tác
Mức hỗ trợ (Mht)	50%	40%

- Đối với dự án quan trọng Quốc gia hoặc dự án nhóm A, trường hợp phải thẩm tra, phê duyệt quyết toán nhiều đợt, Tổ trưởng Tổ công tác (Lãnh đạo Vụ Kế hoạch - Tài chính được phân công) quyết định thời điểm chi, số lần chi và mức chi mỗi lần theo nguyên tắc: trường hợp chi 01 lần thì thời gian thẩm tra và phê duyệt quyết toán (Ttt) được tính theo quy định đối với dự án nhóm A; trường hợp chi nhiều lần, tùy thuộc vào giá trị thẩm tra, phê duyệt mỗi đợt quyết toán, mức chi mỗi đợt được tính bằng mức chi đối với một dự án nhóm B hoặc một dự án nhóm C.

b) Mức chi cho các cá nhân thuộc cơ quan Bộ được phân công tham

¹ Riêng các dự án thực hiện trong năm 2025 được tính bằng hệ số lương bình quân của khối cơ quan Bộ tại thời điểm tháng 03/2025 (tháng đầu tiên sau khi sát nhập).

² Từ 01/7/2023 thực hiện theo quy định tại Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có).

gia hỗ trợ công tác thẩm tra quyết toán³ được xác định theo công thức và các quy định tại điểm a) nêu trên, riêng mức hỗ trợ (Mht) được xác định bằng 25%.

2. Chi trả cho các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn thực hiện thẩm tra quyết toán:

Trong trường hợp cần thiết, trên cơ sở văn bản lựa chọn chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn được Lãnh đạo Bộ phê duyệt, Văn phòng Bộ và Vụ Kế hoạch - Tài chính tổ chức ký hợp đồng; Vụ Kế hoạch Tài chính nghiệm thu công việc và phối hợp cùng Văn phòng Bộ thanh lý hợp đồng theo quy định.

3. Chi công tác phí, văn phòng phẩm, dịch thuật, in ấn, hội nghị, hội thảo, mua sắm máy tính hoặc trang thiết bị phục vụ công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán được thực hiện theo các quy định hiện hành và các văn bản điều chỉnh, bổ sung, thay thế (nếu có).

4. Các khoản chi khác có liên quan đến công tác thẩm tra quyết toán, phê duyệt quyết toán thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước, bao gồm: chi dịch vụ công cộng (tiền điện, nước, mạng internet,...); chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; chi dịch thuật; chi cho công tác chỉnh lý hồ sơ và số hóa tài liệu lưu trữ; chi cho công tác sửa chữa phòng họp, phòng làm việc, kho lưu trữ và các khoản chi khác (nếu có).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Vụ Kế hoạch - Tài chính

a) Khi nhận được Tờ trình đề nghị quyết toán của chủ đầu tư, Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm xác định cụ thể chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, trên cơ sở đó tham mưu văn bản đề nghị chủ đầu tư thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán và thông báo để Văn phòng Bộ thực hiện việc tiếp nhận và quản lý nguồn kinh phí. Đối với dự án được bố trí kế hoạch năm cuối nhưng chủ đầu tư đang trong thời gian lập hồ sơ quyết toán theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP, Vụ Kế hoạch - Tài chính căn cứ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được duyệt hoặc điều chỉnh của dự án hoặc dự toán (nếu có) để đề nghị chủ đầu tư thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán.

Trường hợp số tiền chủ đầu tư đã thanh toán cao hơn mức kinh phí thẩm tra phê duyệt quyết toán được phê duyệt chính thức, Vụ Kế hoạch

³ Số lượng cá nhân tham gia hỗ trợ công tác thẩm tra quyết toán: tối đa không quá 07 người đối với dự án quan trọng Quốc gia hoặc dự án nhóm A; 05 - 07 người đối với dự án nhóm B; 03 - 05 người đối với dự án nhóm C.

Tài chính có văn bản đề nghị Văn phòng Bộ thực hiện các thủ tục để nộp trả chủ đầu tư số tiền đã thanh toán vượt.

Trường hợp số tiền chủ đầu tư đã thanh toán thấp hơn mức đề nghị tại thông báo của Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm đôn đốc chủ đầu tư thanh toán số kinh phí còn thiếu.

b) Trường hợp cần thiết, tham mưu cho Lãnh đạo Bộ lựa chọn chuyên gia, tổ chức tư vấn các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn để thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc thẩm tra quyết toán; chịu trách nhiệm về các nội dung quy định về kinh nghiệm của chuyên gia, tổ chức tư vấn, tiến độ và phạm vi công việc, thời hạn thực hiện, mức chi và số lần thanh toán trong Hợp đồng; chất lượng và kết quả thực hiện nhiệm vụ của các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn theo quy định.

c) Căn cứ kết quả thực hiện thẩm tra, phê duyệt quyết toán của từng dự án, Tổ trưởng các Tổ công tác có trách nhiệm xác định mức chi cụ thể cho các thành viên Tổ công tác, Người phê duyệt quyết toán và các khoản chi khác do Vụ Kế hoạch - Tài chính thực hiện (nếu có), gửi hồ sơ thanh toán để Văn phòng Bộ có cơ sở thực hiện các thủ tục chi trả. Hồ sơ thanh toán gồm: Giấy đề nghị thanh toán và Bảng kê đề nghị thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán từng dự án (theo các Mẫu kèm theo Quy chế này); Quyết định thành lập Tổ công tác (và các văn bản, quyết định điều chỉnh, bổ sung thành phần Tổ công tác nếu có), Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

d) Tổng hợp kết quả thực hiện trong năm và xây dựng kế hoạch thẩm tra, phê duyệt quyết toán năm tiếp theo, gửi Văn phòng Bộ trước ngày 31 tháng 12 hàng năm để lập kế hoạch quản lý, sử dụng kinh phí thẩm tra quyết toán.

2. Trách nhiệm của Văn phòng Bộ:

a) Kiểm tra mức chi theo đề nghị của Vụ Kế hoạch - Tài chính đảm bảo không vượt mức chi quy định tại điểm a) khoản 1 Điều 3 Quy chế này và tính hợp lý, hợp lệ của các hóa đơn chứng từ do Vụ Kế hoạch - Tài chính cung cấp, đề nghị thanh toán (nếu có).

b) Trên cơ sở đề nghị thanh toán của Vụ Kế hoạch - Tài chính, căn cứ nguồn thu còn lại của từng dự án, Văn phòng Bộ xác định các cá nhân đã tham gia hỗ trợ công tác thẩm tra quyết toán và cân đối mức chi để thực hiện chi trả theo định mức quy định tại điểm b) khoản 1 Điều 3 quy chế này, trình cùng hồ sơ đề nghị thanh toán của Vụ Kế hoạch - Tài chính.

Đối với các nội dung chi không xác định được cụ thể thì Văn phòng

Bộ quyết định tỷ lệ phân bổ trên cơ sở hồ sơ chứng từ theo quy định và hóa đơn, chứng từ thực tế.

c) Có văn bản thông báo cho Vụ Kế hoạch - Tài chính về Hệ số lương bình quân của Khối cơ quan Bộ tại tháng 12 của năm liền kề trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

d) Thực hiện các thủ tục để nộp trả Ngân sách nhà nước các nguồn thu còn dư (nếu có) đối với các dự án đã được phê duyệt quyết toán toàn bộ và không còn nhiệm vụ chi cho công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán.

3. Trường hợp nguồn thu của dự án không đủ để chi trực tiếp cho công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo quy định tại khoản 1 Điều 3 nêu trên, Thủ trưởng Tổ công tác có trách nhiệm quyết định mức chi cụ thể đối với nội dung chi quy định tại điểm a) khoản 1 Điều 3; Văn phòng Bộ quyết định mức chi cụ thể đối với nội dung chi quy định tại điểm b) khoản 1 Điều 3 đối với phần nguồn thu còn lại (nếu có).

4. Trường hợp phát sinh các nội dung công việc vượt thẩm quyền, các đơn vị cần kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định trước khi thực hiện.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

- Các dự án đã thực hiện thẩm tra và có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành trước ngày 01/03/2025 thì thực hiện theo quy định tại quy chế cũ⁴; Văn phòng Bộ có trách nhiệm rà soát và thực hiện các thủ tục để tiếp tục thanh toán kịp thời.

- Các dự án chưa có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành hoặc có quyết định từ ngày 01/03/2025 thì thực hiện theo các quy định của Quy chế này.

Điều 6. Khi các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế mới thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế đó. Căn cứ quy định tại Quy chế này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc cần kịp thời báo cáo về Bộ Xây dựng để xem xét, quyết định theo quy định./.

⁴ Quyết định số 1182/QĐ-BGTVT ngày 19/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc Ban hành quy chế chi tiêu cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi: *Lãnh đạo Văn phòng Bộ Xây dựng*

Tên tôi là: ...

Công tác tại đơn vị: Vụ Kế hoạch - Tài chính.

Đề nghị Văn phòng duyệt thanh toán: tiền thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (và khấu trừ thuế TNCN theo quy định) đối với Dự án ...

(Chi tiết theo Bảng kê kèm theo)

Số tiền: ... đồng.

Bằng chữ:/.

Hà Nội, ngày tháng năm

Người đề nghị

Đơn vị đề nghị

Lãnh đạo đơn vị

Kế toán

Văn phòng Bộ

Lãnh đạo VP duyệt

BẢNG KÊ ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN CHI PHÍ THẨM TRA, PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH*Dự án ...**Đơn vị tính: Đồng*

TT	Họ và tên	Chức vụ/Đơn vị công tác	Mã số thuế TNCN	Số tiền được thanh toán theo quy chế (làm tròn)			Số tài khoản	Tại Ngân hàng
				Tổng cộng	Khấu trừ thuế TNCN	Số tiền thực nhận		
1		Người phê duyệt quyết toán						
2		Vụ phó Vụ KHTC - Tổ trưởng Tổ công tác						
3		CV Vụ KHTC - Tổ viên thường trực						
4		CV Vụ KHTC - Tổ viên						
		...						
	Tổng							

Ghi chú:

- Mức lương cơ sở quy định tại ... là ... đồng.
- Hệ số lương bình quân của Khối cơ quan Bộ tại tháng 12 năm... là ... (theo thông báo của Văn phòng Bộ tại văn bản số ... ngày ...).
- Dự án ... là dự án nhóm ... có thời gian thẩm tra và phê duyệt quyết toán tối đa theo Quy định tại Điều 47 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP của Chính phủ là ... tháng.
- Mức hỗ trợ của Người phê duyệt, Tổ trưởng Tổ công tác và Tổ viên thường trực là 0.5; các thành viên khác của Tổ công tác là 0.4 theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số .../QĐ-BXD ngày .../.../... về việc Ban hành quy chế chi tiêu cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.
- Hồ sơ gửi kèm: Quyết định số ... ngày ... về việc thành lập Tổ công tác; Quyết định số ... ngày ... về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

Người đề nghị

Ngày tháng năm
Lãnh đạo Vụ Tài chính/Tổ trưởng Tổ công tác